

BÁO CÁO

**Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội năm 2019,
phương hướng nhiệm vụ năm 2020**

Thực hiện Công văn số 2842/SLĐTĐBXH-PCTNCH ngày 31/10/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo công tác phòng, chống tệ nạn xã hội năm 2019. UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Công tác chỉ đạo.

Năm 2019 UBND huyện Triệu Sơn tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo điều hành các cơ quan, ban ngành từ huyện đến cơ sở tổ chức thực hiện tốt kế hoạch về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm. Đây là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm trên địa bàn, đồng thời với nhiệm vụ xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy mại dâm.

UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo phòng, chống tệ nạn ma túy gồm: Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 27/02/2019 về Kế hoạch công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng năm 2019, Kế hoạch số 455/KH-UBND ngày 14/3/2019 về Kế hoạch thực hiện chương trình phòng, chống mại dâm năm 2019, Công văn số 1272/UBND-LĐTĐBXH ngày 12/6/2019 về việc triển khai Tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2019.

2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.

Ban chỉ đạo huyện đã chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền từ huyện đến cơ sở tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm với nhiều hoạt động thiết thực, phong phú.

Thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống ma túy, mại dâm đến từng hộ gia đình, từng người dân để mọi người nhận thức đầy đủ tác hại, hậu quả của tệ nạn ma túy, từ đó chủ động phòng ngừa tệ nạn ma túy.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức truyền thông nâng cao năng lực tuyên truyền, vận động, tư vấn hỗ trợ người bám dâm tại công đồng, xây dựng xã phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội tại 2 xã Minh Châu, An Nông với 110 đại biểu tham gia.

3. Công tác quản lý địa bàn.

Ban Chỉ đạo huyện giao Công an huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn phối hợp điều tra, khảo sát nắm bắt đối tượng, lập hồ sơ quản lý đối tượng nghiện ma túy, đối tượng bán dâm, tổ chức đấu tranh triệt phá các tụ điểm ma túy, mại dâm. Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, thống kê người nghiện ma túy trên địa bàn huyện.

4. Xử lý vi phạm ma túy, mại dâm

4.1. Xử lý vi phạm về ma túy

- Tình hình ma túy trên địa bàn có chiều hướng gia tăng, các đối tượng vận chuyển, tàng trữ, mua bán, sử dụng chất ma túy có dấu hiệu phức tạp qua khảo sát, rà soát có 292 người nghiện, 245 người nghi nghiện.

- Tổng số vụ bắt xử lý: 23 vụ; 45 đối tượng. Trong đó:

+ 01 vụ tiếp nhận từ Công an tỉnh Thanh Hóa;

+ 01 vụ chuyên Công an tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng thu giữ: heroin 77,413gam Heroin, 229,818gam methamphetamine; 1,15gam cỏ mỹ; 387 viên hồng phiến (khối lượng 38,043g); 0,145gam thuốc phiện và 0,015g Ketamine.

Hình thức xử lý:

+ Khởi tố 15 vụ án, 20 đối tượng, xử lý hình sự 14 đối tượng.

+ Xử lý hành chính: 06 vụ, 11 đối tượng.

+ Lập 04 chuyên án đấu tranh tội phạm ma túy, đấu tranh triệt xóa 03 điểm phức tạp về ma túy trên địa bàn các xã Đồng Lợi, Dân Lực và Tân Ninh.

+ Đấu tranh triệt xóa 01 tụ điểm phức tạp về ma túy tại xã Đồng Lợi.

+ Lập hồ sơ đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc theo Nghị định 221/2013/NĐ-CP: 23 đối tượng đã có quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân huyện.

4.2. Xử lý vi phạm về mại dâm

Đã bắt, xử lý: 01 vụ, với 01 đối tượng.

Trong đó:

- Xử lý hình sự 01 vụ, với 01 bị can và 02 đối tượng xử lý hành chính.

- Địa điểm xảy ra: Xã Dân Lực huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.

5. Công tác trợ giúp tái hòa nhập cộng đồng.

Để nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng trong những năm qua Ban chỉ đạo huyện đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các xã, thị trấn khảo sát các xã điểm về ma túy, vận động thành lập các đội tình nguyện để vận động tuyên truyền nhân dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội và tích cực tham gia cung cấp các dịch vụ trợ giúp cho người sau cai nghiện ở cộng đồng dân cư. Qua công tác tuyên truyền nhằm trang bị những kiến thức hiểu biết về tác hại do ma túy, gây ra, người dân đã tự chủ động giải quyết những vụ việc phát sinh tệ nạn xã hội ở cộng đồng. Giảm kỳ thị đối với người

nghiện ma túy, đây là yếu tố quan trọng để người nghiện ma túy tự tin, vươn lên, hòa nhập cộng đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện để đối tượng được vay vốn, tạo việc làm cho người sau cai nghiện hòa nhập cộng đồng.

6. Khó khăn, vướng mắc.

Quá trình triển khai thực hiện công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm ở một số xã, thị trấn còn xem nhẹ, chưa đặt ra quyết tâm cao, chưa triệt để, đối tượng nghiện ma túy và gia đình chưa thực sự quyết tâm để cai nghiện. Nên kết quả cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hiệu quả thấp.

Công tác tổ chức cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội cấp huyện, xã, thị trấn là những cán bộ làm công tác kiêm nhiệm nên ảnh hưởng đến công tác triển khai, thực hiện ở địa phương.

Công tác rà soát, thống kê, lập hồ sơ người nghiện ma túy tại các xã, thị trấn chưa được thực hiện nghiêm túc, thông tin về người nghiện thiếu chính xác, chưa đầy đủ. Công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện, dạy nghề và tạo việc làm cho người sau cai gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động mại dâm trá hình trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm rất khó cho công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm tệ nạn mại dâm.

Công tác triển khai thực hiện xây dựng xã, thị trấn không có tệ nạn xã hội cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn chưa thực sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

7. Giải pháp khắc phục

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như qua báo, đài, qua hệ thống truyền thanh các xã, thị trấn để đối tượng thấy được tác hại về ma túy, mại dâm để người dân tích cực phát hiện tố giác tội phạm về ma túy, mại dâm.

- Phối hợp với các lực lượng, thường xuyên kiểm tra các cơ sở kinh doanh có điều kiện và các xã, thị trấn trọng điểm về ma túy.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn đẩy mạnh thực hiện công tác cai nghiện phục hồi, phòng, chống tệ nạn ma túy và công tác xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Ban chỉ đạo huyện đẩy mạnh công tác xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội gắn liền với cuộc vận động "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa" phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, kết quả xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội, trong năm 2019 có 100% xã, thị trấn đăng ký xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm.

- Tổ chức cho các xã, thị trấn đăng ký và thực hiện cam kết xây dựng xã, thị trấn không có tệ nạn ma túy, mại dâm. Thông qua công tác chỉ đạo, tuyên

truyền bằng nhiều biện pháp thiết thực có hiệu quả của các cấp, các ngành ở địa phương nên đã giảm thiểu các đối tượng phát sinh mới tệ nạn ma túy, mại dâm.

Tổng số xã, thị trấn: 36 xã

Trong đó:

- Số xã, thị trấn không có tệ nạn ma túy: 11/36 xã, thị trấn;
- Số xã, thị trấn có tệ nạn ma túy: 25/36 xã, thị trấn;
- Số xã, thị trấn không có tệ nạn mại dâm: 35/36 xã, thị trấn;
- Số xã, thị trấn có tệ nạn mại dâm: 01/36 xã, thị trấn.

Ban chỉ đạo huyện, xã đã đẩy mạnh công tác xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm gắn liền với cuộc vận động "Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và Chương trình xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân về tác hại của tệ nạn ma túy, mại dâm.

Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện còn một số tồn tại: Công tác phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm ở một số xã, thị trấn còn xem nhẹ, chưa đặt ra quyết tâm cao, chưa triệt để, đối tượng nghiện ma túy và gia đình chưa thực sự quyết tâm để cai nghiện. Nên kết quả cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hiệu quả thấp.

Sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp chưa cao, một số xã có người nghiện ma túy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã chưa cao, quản lý đối tượng còn lỏng lẻo do vậy kết quả một số xã không đạt được chỉ tiêu đề ra.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Để công tác quản lý, giáo dục đối tượng nghiện ma túy, mại dâm đây là nhiệm vụ khó khăn phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực, kiên trì và phải có sự chỉ đạo sát sao và kiên quyết của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp là yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống ma túy, ở nơi nào cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo quyết liệt, quản lý chặt chẽ ở khu dân cư và vùng giáp ranh thì ở đó kết quả đấu tranh phòng, chống ma túy, người nghiện ma túy giảm.

2. Tổ chức được các dịch vụ tư vấn về hiểu biết và phòng tránh tác hại của ma túy, các biện pháp khắc phục hậu quả do ma túy gây ra, các dịch vụ cung cấp về kiến thức chăm sóc sức khỏe, văn hóa, xã hội. Tạo môi trường thân thiện cho người nghiện ma túy, chống kỳ thị, phân biệt đối xử thiếu công bằng, thiếu tôn trọng đối với người nghiện ma túy.

3. Tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm, học tập các mô hình hiệu quả đã được chứng minh, ủng hộ các cách làm, mô hình sáng tạo, phù hợp với từng xã, thị trấn, đầu tư đủ mạnh về cán bộ, kỹ thuật, cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác cai nghiện phục hồi và quản lý sau cai nghiện.

IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Tình hình tệ nạn xã hội trong thời gian tới còn nhiều diễn biến phức tạp. Đề mọi người hiểu rõ tác hại của tệ nạn xã hội đòi hỏi cấp ủy, chính quyền, các ngành đoàn thể, các đơn vị, các tổ chức xã hội tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Pháp luật tới mọi người dân.

2. Kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả cao hơn nguồn ma túy thâm lậu vào địa bàn, xử lý nghiêm tội phạm về ma túy, triệt phá các tổ chức sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Tăng cường công tác tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ cấp huyện, xã, thị trấn làm công tác phòng, chống tệ nạn để nâng cao năng lực và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới.

4. Đề nghị hỗ trợ kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy, mại dâm ở cơ sở và cho các thành viên đội xã hội tình nguyện.

5. Đề nghị tinh tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ cho cán bộ y tế tại các xã, thị trấn làm công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2020

1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống kiểm soát ma túy. Ban Chỉ đạo huyện yêu cầu các các phòng, ban, ngành từ huyện đến cơ sở phải xây dựng kế hoạch cho đơn vị mình, phải lồng ghép giữa nhiệm vụ chuyên môn với việc phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm một cách thường xuyên.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền có chiều sâu với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao nhận thức về tác hại của nghiện ma túy, lấy gia đình, họ hàng, tổ dân cư là địa điểm tuyên truyền.

3. Tập trung tấn công mạnh mẽ vào các tụ điểm ma túy, mại dâm, ngăn chặn xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán ma túy, nghiện ma túy, gái mại dâm, không để ma túy, mại dâm xâm nhập vào trường học.

4. Đẩy mạnh công tác kiểm tra quản lý, tư vấn, hướng dẫn chữa trị cai nghiện tại gia đình và cộng đồng có hiệu quả.

5. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, tập trung xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội đặc biệt là tệ nạn ma túy, mại dâm trong năm 2020 và những năm tiếp theo. / sh

Nơi nhận: 2

- Sở Lao động - TBXH (báo cáo);
- Huyện ủy, HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch các PCT UBND huyện (báo cáo);
- Các Thành viên BCD;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBOXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Le Quang Trung

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU PHÒNG CHỐNG MẠI DÂM NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

| Nội dung | Đơn vị tính | Số đầu ký | Số phát sinh trong kỳ |
|---|-------------|-----------|-----------------------|
| 1. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH | | | |
| 1.1. Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn | | | |
| - Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm hiện có trên địa bàn | Cơ sở | 152 | 23 |
| Trong đó: | | | |
| + Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê,...) | Cơ sở | 24 | 3 |
| + Nhà hàng Karaoke & cơ sở massage | Cơ sở | 50 | 5 |
| + Vũ trường | Cơ sở | 0 | 0 |
| + Loại hình khác (quán bia, nhà hàng ăn uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn, ...) | Cơ sở | 66 | 15 |
| - Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở | Cơ sở | 242 | 23 |
| - Số tiếp viên làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm | Người | 88 | 1 |
| Trong đó: | | | 0 |
| + Số tiếp viên có hợp đồng lao động | Người | 45 | 2 |
| + Số tiếp viên là nữ giới | Người | 100 | 2 |
| + Số tiếp viên là người ngoại tỉnh | Người | 106 | 2 |
| + Số tiếp viên nữ dưới 18 tuổi | Người | 0 | 0 |
| 1.2. Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động mại dâm nơi công cộng | | | |
| - Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm | Tụ điểm | 0 | 0 |
| 1.3. Số người bán dâm trên địa bàn | | | |
| - Số người bán dâm ước tính | | 26 | 1 |
| - Số người bán dâm được các cơ quan chức năng thống kê (qua xử phạt hành chính; hỗ trợ xã hội; y tế, phòng, chống HIV/AIDS...) | Người | 15 | 1 |
| Trong đó: | | | |
| + Số là người dưới 18 tuổi | Người | 0 | 0 |
| + Số là người ngoại tỉnh | Người | 15 | 0 |
| 2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCMD | | | |
| 2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành | | | |
| - Số lượng văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | 0 |
| - Số lượng văn bản chỉ điều hành thực hiện nhiệm vụ về PCMD trong phạm vi quản lý (Công văn chỉ đạo, Chương trình, Kế hoạch...) | Văn bản | 15 | 5 |
| 2.1. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm | | | |
| - Số buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn | Buổi | 75 | 2 |

| | | | |
|---|-----------------------|------|-----|
| - Số người tham gia các buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn | <i>Lượt người</i> | 2659 | 110 |
| - Số panô, áp phích được thực hiện về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn | <i>Panô, áp phích</i> | 165 | 45 |
| 2.2. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP | | | |
| - Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ | <i>Lượt cơ sở</i> | 12 | 5 |
| - Số cơ sở vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Cơ sở Nhà nước | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| + Cơ sở ngoài Nhà nước | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| - Số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| + Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| + Số cơ sở bị cảnh cáo | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| + Số cơ sở bị phạt tiền | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| * Số tiền phạt | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| + Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử lý khác | <i>Lượt cơ sở</i> | 0 | 0 |
| 2.3. Công tác truy quét, triệt phá ổ nhóm tổ chức hoạt động mại dâm | | | |
| - Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng | <i>Cuộc</i> | 0 | 0 |
| - Số cuộc triệt phá tại các cơ sở KDDV | <i>Cuộc</i> | 0 | 0 |
| - Tổng số người vi phạm | <i>Lượt người</i> | 54 | 1 |
| Trong đó: | | | |
| + Số người mua dâm | <i>Lượt người</i> | 17 | 1 |
| + Số người bán dâm | <i>Lượt người</i> | 16 | 0 |
| + Số người bán dâm dưới 18 tuổi | <i>Lượt người</i> | 0 | 0 |
| + Số chủ chứa, môi giới | <i>Lượt người</i> | 1 | 0 |
| - Số người bị xử lý vi phạm hành chính | <i>Lượt người</i> | 2 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Số người mua dâm | <i>Lượt người</i> | 16 | 0 |
| + Số người bán dâm | <i>Lượt người</i> | 16 | 0 |
| + Số người mua bán dâm dưới 18 tuổi | <i>Lượt người</i> | 0 | 0 |
| + Số chủ chứa, môi giới | <i>Lượt người</i> | 7 | 0 |
| - Số người bị xử lý hình sự | <i>Lượt người</i> | 17 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Số người mua dâm người chưa thành niên | <i>Lượt người</i> | 0 | 0 |
| + Số chủ mại dâm | <i>Lượt người</i> | 15 | 0 |
| + Số môi giới mại dâm | <i>Lượt người</i> | 2 | 0 |
| 2.4. Công tác truy tố, xét xử | | | |
| - Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân khởi tố | | | |
| + Số vụ | <i>Vụ</i> | 21 | 1 |
| + Số bị can | <i>Người</i> | 23 | 1 |
| - Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử | | | |
| + Số vụ | <i>Vụ</i> | 17 | 1 |

| | | | |
|--|--------------|-----|-----|
| + Số bị cáo | Người | 18 | 1 |
| - Số vụ án liên quan đến mại dâm được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử | | | |
| + Số vụ | Vụ | 17 | 1 |
| + Số bị cáo | Người | 19 | 1 |
| 2.5. Hỗ trợ giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm | | | |
| - Tổng số người bán dâm được hỗ trợ | Lượt người | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ về phòng chống lây nhiễm HIV | Lượt người | 0 | 0 |
| + Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý | Lượt người | 0 | 0 |
| + Số đối tượng được hỗ trợ giáo dục, dạy nghề | Lượt người | 0 | 0 |
| + Số đối tượng được tạo việc làm, vay vốn sản xuất, kinh doanh | Lượt người | 0 | 0 |
| + Số tiền mà người bán dâm được vay | triệu đồng | 0 | 0 |
| - Số đối tượng tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ đồng đẳng, các nhóm tự lực, ... | Lượt người | 0 | 0 |
| 2.6. Xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn mại dâm | | | |
| - Tổng số xã, phường trên địa bàn | Xã, thị trấn | 36 | 0 |
| - Số xã, phường, thị trấn trọng điểm về tệ nạn mại dâm | Xã, thị trấn | 0 | 0 |
| - Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mại dâm | Xã, thị trấn | 35 | 35 |
| 3. NGUỒN LỰC | | | |
| 3.1. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm | | | |
| - Tổng số cán bộ làm công tác PCMD tại địa phương (gồm cả cán bộ kiêm nhiệm các cấp) | người | 269 | 12 |
| - Số cán bộ được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác phòng chống mại dâm | Lượt người | 370 | 120 |
| 3.2. Kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm | | | |
| - Tổng số kinh phí chi cho công tác PCMD | Triệu đồng | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | |
| + Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW | Triệu đồng | 0 | 0 |
| + Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương | Triệu đồng | 0 | 0 |
| + Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước) | Triệu đồng | 0 | 0 |

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI NGHIỆN MA TÚY NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

| Số TT | Đơn vị | Tổng số người nghiện trên địa bàn | Cải nghiện tại cộng đồng | Cải nghiện tại gia đình | Giáo dục tại xã, phường, thị trấn | Điều trị Methadone | Được dạy nghề | Được hỗ trợ tạo việc làm | Được hỗ trợ vay vốn theo QĐ số 29 | Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy | Ghi chú |
|-------|-------------|---|--------------------------------|----------------------------|--|-----------------------|------------------|--------------------------------|--|---|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 | An Nông | 46 | | 3 | | 2 | | | | | |
| 2 | Bình Sơn | | | | | | | | | x | |
| 3 | Dân Lực | 15 | | | | 1 | | | | | |
| 4 | Dân Lý | 18 | 3 | | | 3 | | | | | |
| 5 | Dân Quyền | 10 | | | | 3 | | | | | |
| 6 | Đồng Lợi | 25 | 10 | | | 10 | | | | | |
| 7 | Đồng Thắng | 23 | 3 | | | | | | | | |
| 8 | Đồng Tiến | | | | | | | | | | |
| 9 | Hợp Lý | 4 | 3 | | | 1 | | | | x | |
| 10 | Hợp Thắng | 4 | | | | | | | | | |
| 11 | Hợp Thành | 11 | | | | 1 | | | | | |
| 12 | Hợp Tiến | 6 | | | | 1 | | | | | |
| 13 | Khuyến Nông | | | | | | | | | | |
| 14 | Minh Châu | 4 | | | | 1 | | | | x | |
| 15 | Minh Dân | 3 | | | | | | | | | |
| 16 | Minh Sơn | 2 | 1 | | | | | | | | |
| 17 | Nông Trường | 6 | 2 | 4 | | | | | | | |
| 18 | Tân Ninh | 14 | | 12 | | 2 | | | | | |
| 19 | Thái Hòa | 21 | | | | 2 | | | | | |
| 20 | Thị Trấn | 23 | | 3 | | 3 | | | | | |

| Số TT | Đơn vị | Tổng số người nghiên trên địa bản | Cải thiện tại cộng đồng | Cải thiện tại gia đình | Giáo dục tại xã, phường, thị trấn | Điều trị Methadone | Được dạy nghề | Được hỗ trợ tạo việc làm | Được hỗ trợ vay vốn theo QĐ số 29 | Số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy | Ghi chú |
|-------|------------------|---|-------------------------------|---------------------------|--|-----------------------|------------------|--------------------------------|--|---|----------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 21 | Thọ Bình | 6 | | | | 1 | | | | | |
| 22 | Thọ Cường | 5 | 2 | 3 | | | | | | | |
| 23 | Thọ Dân | 10 | | 5 | | 1 | | | | | |
| 24 | Thọ Ngọc | 8 | | 2 | | | | | | | |
| 25 | Thọ Phú | | | | | | | | | x | |
| 26 | Thọ Sơn | | | | | | | | | x | |
| 27 | Thọ Tân | 8 | 2 | | | 6 | | | | | |
| 28 | Thọ Thế | 5 | 3 | 2 | | | | | | | |
| 29 | Thọ Tiên | | | | | | | | | x | |
| 30 | Thọ Vực | | | | | | | | | x | |
| 31 | Thiên Nông | | | | | | | | | x | |
| 32 | Triệu Thành | | | | | | | | | x | |
| 33 | Vân Sơn | 13 | 8 | 4 | | | | | | | |
| 34 | Xuân Lộc | | | | | | | | | x | |
| 35 | Xuân Thịnh | | | | | | | | | x | |
| 36 | Xuân Thọ | 2 | | 2 | | | | | | | |
| | Tổng cộng | 292 | 37 | 45 | 6 | 32 | 0 | 0 | 0 | 11 | 0 |

KẾT QUA

Xã, thị trấn không có tệ nạn ma túy, không có tệ nạn mại dâm và lành mạnh không có cả tệ nạn ma túy, mại dâm năm 2019, đăng ký duy trì và xây dựng mới năm 2020

(Kèm theo Công văn số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

| Số TT | Tên xã, phường, thị trấn | Đăng ký năm 2019 | | | Kết quả phân loại tính đến hết 30/11/2019 | | | | Đăng ký năm 2020 | | | |
|-------|--------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------|---|-------------------------|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------|---|---|
| | | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm | | |
| 1 | An Nông | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | | | 1 | |
| 2 | Bình Sơn | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Dân Lực | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Dân Lý | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 5 | Dân Quyền | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Đồng Lợi | | 1 | | | 1 | | | | | 1 | |
| 7 | Đồng Thắng | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Đồng Tiến | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 9 | Hợp Lý | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 10 | Hợp Thắng | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 11 | Hợp Thành | | 1 | | | 1 | | | | | 1 | |
| 12 | Hợp Tiến | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 13 | Khuyên Nông | | 1 | | | 1 | | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 14 | Minh Châu | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 15 | Minh Dân | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 16 | Minh Sơn | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 17 | Nông Trường | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 18 | Thị Trấn | | 1 | | | 1 | | | | | 1 | |
| 19 | Thái Hòa | 1 | 1 | 1 | | 1 | | | | | 1 | |

| Số TT | Tên xã, phường, thị trấn | Đăng ký năm 2019 | | | Kết quả phân loại tính đến hết 30/11/2019 | | | Đăng ký năm 2020 | | |
|-------|--------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------|---|-------------------------|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------------------|
| | | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm | Không có tệ nạn ma túy | Không có tệ nạn mại dâm | Không có cả tệ nạn ma túy và mại dâm |
| 20 | Thị Trấn | 1 | 1 | 1 | | 1 | | 1 | | |
| 21 | Thọ Bình | 1 | 1 | 1 | | 1 | | 1 | | 1 |
| 22 | Thọ Cường | | 1 | | | 1 | | 1 | | |
| 23 | Thọ Dân | 1 | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | 1 |
| 24 | Thọ Ngọc | 1 | 1 | 1 | | 1 | | 1 | 1 | 1 |
| 25 | Thọ Phú | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 26 | Thọ Sơn | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 27 | Thọ Tân | 1 | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | 1 |
| 28 | Thọ Thế | 1 | 1 | 1 | | | | 1 | 1 | 1 |
| 29 | Thọ Tiến | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 30 | Thọ Vực | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 31 | Tiên Nông | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 32 | Triệu Thành | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 33 | Vân Sơn | | 1 | | | 1 | | | 1 | |
| 34 | Xuân Lộc | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 35 | Xuân Thịnh | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 36 | Xuân Thọ | 1 | 1 | 1 | | 1 | | 1 | 1 | 1 |
| | Tổng cộng | 30 | 36 | 30 | 11 | 35 | 11 | 28 | 36 | 28 |

